

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ N  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 21-02-2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Huy Toàn

Bà Lê Thị Hoa

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 487/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Như N - sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*- Bị đơn:* Ông Võ Thanh P - sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Như N trình bày: Bà và ông Võ Thanh P kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Q, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 23/12/1996. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mặc dù bà đã rất cố gắng hàn gắn nhưng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Bà và ông P đã không sống chung từ đầu năm 2020 đến nay. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông P nữa nên yêu cầu ly hôn với ông P.

Con chung: Bà và ông P có 02 con chung tên Võ Trí Đ, sinh ngày 06/10/1997 và Võ Lê Ngọc Đ, sinh ngày 13/7/2003. Hai con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Thanh P trình bày: Ông và bà Lê Thị Như N kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Q. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2012, vợ chồng ông thường xuyên mâu thuẫn vì bà N có người yêu ở ngoài. Ông bà đã không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì sợ ảnh hưởng đến các con.

Con chung: Ông và bà N có 02 con chung tên Võ Trí Đ, sinh ngày 06/10/1997 và Võ Lê Ngọc Đ, sinh ngày 13/7/2003. Hai con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Như N và ông Võ Thanh P kết hôn năm 1996 tại UBND xã Q, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 23/12/1996. Bà N yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn. Ông P không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận ông bà bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2012. Đến năm 2020 ông bà đã không còn sống chung với nhau nữa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông P tham gia phiên tòa nhưng ông P vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông P không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân với bà N.

Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà N. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Võ Thanh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bà Lê Thị Như N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Như N và ông Võ Thanh P kết hôn năm 1996 tại UBND xã Q, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 23/12/1996. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn. Ông P không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận ông bà đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2012. Đến năm 2020, ông bà đã không còn sống chung với nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông P và bà N đã kéo dài và không thể khắc phục được và hiện tại bà N và ông P đã không còn sống chung với nhau. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông P tham gia phiên tòa nhưng ông P vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông P không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân với bà N.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông P và bà N đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa ông P và bà N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

- Về con chung: Ông P và bà N có 02 con chung tên Võ Trí Đ, sinh ngày 06/10/1997 và Võ Lê Ngọc Đ, sinh ngày 13/7/2003. Hai con đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N và ông P không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Như N

- Bà Lê Thị Như N được ly hôn ông Võ Thanh P.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên bà N và ông P không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N và ông P không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Như N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004133 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Q  
(GCNKH 90/23.12.1996);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**